

Bản án số: 55/2020/HSST
Ngày 29-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng – Ông Nguyễn Quang Huy

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2020/HSST ngày 04/9/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HS ngày 18/9/2020, đối với các bị cáo :

1. Hà Quang H (H1), sinh ngày 28 tháng 11 năm 1992 tại Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Tiến N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; vợ: Tẩn Tả M, sinh năm 2001 và 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2020 đến ngày 14/8/2020 tại ngoại theo Quyết định thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh số 02/QĐ-VKS của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái. Đến ngày 13/09/2020 bị tạm giam theo lệnh tạm giam số 16/LTG của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Yên Bái do bị khởi tố về tội “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; có mặt.

2. Trần Thế N, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1992 tại Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn C, sinh năm 1961 và bà Trần Minh X, sinh năm 1958; vợ, con; chưa có; tiền sự: không; tiền án: 02 tiền án đã được xóa án tích. Tại bản án số 32/2011/HSST ngày 14/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Tiêu thụ tài sản do người

khác phạm tội mà có”. Tại bản án số 68/2014/HSST ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 03 năm tù, về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Anh Tạ Đức H (H2), sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 3, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đinh Tiến D, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 9, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Chị Lý Thị C, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

4. Anh Mã Quang H (H3), sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 8, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

5. Anh Lò Đức A, sinh năm 2000; địa chỉ: Xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Phạm Minh H, sinh năm 1994; địa chỉ tổ dân phố H, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quen biết, khoảng 0 giờ ngày 08/6/2020 Tạ Đức H (H2) nhắn tin rủ Lý Thị C (tên gọi khác là M) là nhân viên phục vụ tại các quán hát karaoke đi chơi, sau khi đi chơi H2 đưa C đến khách sạn H thuộc tổ 4, phường Đ, thành phố Y thuê phòng nghỉ. Tại đây H2 và C nằm trên giường trêu đùa nhau, C đồng ý cho H2 cởi áo phông, áo lót của C ra, khi H2 định cởi quần của C ra nhằm mục đích quan hệ tình dục thì C không đồng ý nên H2 dừng lại. Sau đó H2 đã cầm áo của C giấu sang phòng bên cạnh và bỏ về trước không thanh toán tiền phòng. C gọi điện cho Mã Quang H (H3) nhờ mang áo đến. Sau đó, H3 cùng bạn gái đến khách sạn tìm gặp C, C đã kể lại chuyện cho H3 biết đồng thời gửi hình ảnh của H2 cho H3 biết mặt. Sau đó H3 kể chuyện của C và gửi hình ảnh của H2 cho Hà Quang H (H1) là người nuôi ăn ở cho nhân viên phục vụ quán karaoke.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, H1 rủ bạn là Trần Thế N và Đinh Tiến D đi ăn sáng. Tại quán ăn sáng, H1 kể cho N và D chuyện của C đồng thời sử dụng điện thoại của mình đăng hình ảnh của H2 lên mạng xã hội Facebook nhờ tìm kiếm thông tin của H2, khi có địa chỉ và số điện thoại của H2, H1 liên lạc và yêu cầu H2 đến gặp để giải quyết việc H2 gây ra cho C. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày

tại quán trà chanh H thuộc tổ 11, phường Đ, thành phố Y, H2 gặp H1, N, D. H1 hỏi H2 có phải H2 đã đưa nhân viên của H1 đi nhà nghỉ hôm trước không, thì H2 cãi lại: “Em đã làm gì nó đâu, em chỉ đùa thôi”. Thấy vậy D vừa chửi vừa tát vào mặt H2 hai cái rồi dừng lại ngồi xuống ghế, N dùng đầu gối thúc vào vùng bụng H2 hai cái. H1 can ngăn và bảo dừng lại để H2 ngồi xuống nói chuyện. Khi N và H2 ngồi xuống ghế thì H1 đứng lên gọi đồ uống cho mọi người, N tiếp tục hỏi H2 việc đưa nhân viên của H1 đi như thế nào thì H2 vẫn cãi không làm gì C. Bực tức vì thái độ của H2, N đã dùng tay phải cầm chiếc bàn kê phía trước vung lên vụt 01 phát về phía H2. H2 giơ tay trái lên đỡ thì bị trúng vào vùng lưng bên trái. Cùng lúc này H1 từ trong quán đi ra liền bảo N và H2 ngồi xuống nói chuyện, kết thúc việc đánh nhau.

H2 chủ động kể lại toàn bộ sự việc với C, thì N gọi một nhân viên của quán mang ra cho H2 một quyển vở và bút yêu cầu H2 viết tường trình lại sự việc. H2 viết xong thì H1 có những lời nói đe dọa H2: “ Đây là hành vi hiếp dâm không thành” sẽ báo công an và nói cho gia đình H2 biết chuyện, H1 dọa H2 là C viết đơn gửi công an. Lúc này H2 sợ gia đình biết chuyện và phải lên công an giải quyết nên xin H1 cho hướng giải quyết khác. H1 đã lấy điện thoại ra gọi cho H3 bảo đưa C đến quán trà. Gặp C, H2 xác nhận việc mình đã làm với C đồng thời xin lỗi và muốn được bồi thường cho C, biết H2 lo sợ nên H1 nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của H2. H1 tự nài ra việc C nợ mình 20.000.000đồng cộng với tiền chi phí nuôi C ăn ở những ngày C không dám đi làm do đang sợ hành vi do H2 gây ra hết 5.000.000đồng .Tổng cộng là 25.000.000đồng, lúc này N ngồi cạnh chứng kiến mọi diễn biến giữa H1 và H2 nên biết rõ H1 đang thực hiện hành vi cưỡng đoạt số tiền 25.000.000đồng của H2. H2 nói với H1 và N để xin H1 bớt cho H2 5.000.000đồng thì H1 đồng ý. Do không có tiền mặt nên H2 bảo với H1 sẽ về nhà lấy thẻ ATM để rút tiền, H1 bảo H3 cùng H2 đi về. Do H2 không rút được tiền mặt nên H2 bảo H1 cho số tài khoản để H2 chuyển 20.000.000đồng cho H1. Do tài khoản của H1 bị lỗi nên H1 bảo N đọc số tài khoản của N để H2 chuyển tiền vào, N đồng ý rồi đọc số tài khoản cho H2 chuyển tiền vào tài khoản của N. Sau đó H1 yêu cầu H2 viết vào phía dưới nội dung bản tường trình nội dung H2 tự nguyện bồi thường cho C số tiền 20.000.000đồng và tất cả ra về.

Do N không tìm thấy thẻ ATM nên đã chuyển số tiền 20.000.000đồng vào tài khoản của Nguyễn Phúc C, sau đó nhờ bạn là Phạm Minh H (H4) đến gặp C lấy số tiền 20.000.000đồng đưa cho H1. Nhận tiền H1 đưa cho N 1.000.000đồng; trả nợ cho D 1.000.000đồng; nhờ D trả nợ cho Dũng K 5.000.000đồng. Số tiền còn lại H1 đưa cho H4 1.000.000đồng và nhờ H4 đưa cho C 2.000.000đồng; 7.000.000đồng H1 chuyển nhờ vào tài khoản của Nguyễn Hữu T, sinh năm 1995 phường Y, thành phố Y, T đã chuyển số tiền này cho bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ) của H1 để bà H giữ hộ H1, còn lại 3.000.000đồng H1 giữ lại để sử dụng cho bản thân.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Yên Bái đã thu giữ: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7Plus, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0986 244 268 của Tạ Đức H, 01 bàn kim loại hình trụ tròn, màu sơn trắng, mặt bàn có đường kính 0,42m, cao 0,53m tại quán trà chanh Happy Tea do anh Lò Đức A làm quản lý; Trần Thế N đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000đồng, Đinh Tiến D tự nguyện giao nộp số tiền 6.000.000đồng, Nguyễn Thị H tự nguyện giao nộp số tiền 7.000.000đồng, Lý Thị C tự nguyện giao nộp số tiền 1.500.000đồng, Mã Quang H tự nguyện giao nộp số tiền 1.500.000đồng, Hà Quang H tự nguyện giao nộp số tiền 3.000.000đồng.

Cáo trạng số 47/VKSTP ngày 03/09/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố: Bị cáo Hà Quang H, Trần Thế N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hà Quang H, Trần Thế N phạm tội “ Cưỡng đoạt tài sản”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Hà Quang H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù .Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (Được khấu trừ 02 tháng 04 ngày tạm giam từ ngày 12/6/2020 đến ngày 14/8/2020)

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Trần Thế N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

- Khấu trừ thu nhập 5-10%.

Về hình phạt bổ sung : Các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Hà Quang H, Trần Thế N thành khẩn khai nhận hành cưỡng đoạt tài sản như đã nêu trên, không có ý kiến tranh luận gì chỉ xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận:

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại quán trà chanh H thuộc tổ 11, phường Đ, thành phố Y, Hà Quang H có hành vi đe dọa, và Trần Thế N có hành vi giúp sức để Hà Quang H cưỡng đoạt số tiền 20.000.000đồng của Tạ Đức H. Hành vi của bị cáo Hà Quang H, Trần Thế N đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Đây vụ án đồng phạm giản đơn: Bị cáo Hà Quang H là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội giữ vai trò chính, bị cáo Trần Thế N có vai trò giúp sức.

[5]. Xét nhân thân: Bị cáo Hà Quang H, Trần Thế N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự các nhận thức được hành vi cưỡng đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Trần Quang H được tại ngoại theo Quyết định thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh số 02/QĐ-VKS của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái. Đến ngày 13/09/2020 bị tạm giam theo lệnh tạm giam số 16/LTG của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Yên Bái do bị khởi tố về tội “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Cần phải có mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, thì mới có thể giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và phòng chống tội phạm nói chung.

Bị cáo Trần Thế N có hai tiền án đều đã được xóa án tích, bị cáo nhất thời phạm tội cần có hình phạt thoả đáng tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H, bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra truy tố, các bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo.

[8] Hình phạt bổ sung : Các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Trần Thế N có 02 tiền án đã được xóa án tích, kể từ ngày được xóa án tích ngoài lần phạm tội này trong quá trình sinh sống và chấp hành án bị cáo không có vi phạm gì, theo quy định tại mục 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì có thể coi là có nhân thân tốt. Bị cáo phạm tội lần này với vai trò giúp sức thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng có thể cải tạo bị cáo nói chung và phòng ngừa riêng.

[9] Về vật chứng:

Đối với: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0986 244 286 và tổng số tiền 20.000.000đồng thu giữ của các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tạ Đức H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái đã trao trả cho Tạ Đức H là phù hợp.

Đối với: 01 chiếc bàn kim loại hình trụ tròn màu sơn trắng, mặt bàn có đường kính 0,42 mét, bàn cao 0,53 mét, chân bàn thiết kế 04 thanh kim loại tròn được hàn dính với nhau bằng các thanh kim loại nhỏ là tài sản hợp pháp của anh Lò Đức A nên trả cho anh Lò Đức A.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000đồng, bị cáo N tự nguyện bồi

thường cho bị hại số tiền 500.000đồng. Bị hại không ai yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với Đinh Tiến D quá trình điều tra xác định: Giữa H1, N, D khi đến quán trà chanh không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ trong việc thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. Tại quán trà chanh H, khi gặp H2 do bức tức thái độ của H2 nên D tát H2 hai phát vào má sau đó D ngồi chơi điện thoại không tham gia vào việc H1 và N cưỡng đoạt tiền của H do vậy không có căn cứ để xử lý D trong vụ án này.

[12] Đối với Mã Quang H, Lý Thị C, Phạm Minh H, Nguyễn Phúc C, Nguyễn Hữu T quá trình điều tra xác định họ không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của H1 và N nên không đề cập xử lý trong vụ án.

[13] Đối với Trần Thế N, Đinh Tiến D có hành vi đánh Tạ Đức H nhưng không gây thương tích, H2 không có yêu cầu đề nghị gì nên không đề cập giải quyết trong vụ án.

[14] Quá trình điều tra xác định Tạ Đức H không có hành vi “Hiếp dâm” Lý Thị C.

[15]. Về án phí và các vấn đề khác:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Quang H, Trần Thế N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Hà Quang H 01(một) năm tù .Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Được khấu trừ 02 tháng 04 ngày tạm giam (từ ngày 12/6/2020 đến ngày 14/8/2020).

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thế N 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, thành phố Hà Nội trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ 5% thu nhập để nộp ngân sách nhà nước; Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Trả cho anh Lò Đức A: 01 chiếc bàn kim loại hình trụ tròn màu sơn trắng, mặt bàn có đường kính 0,42mét, bàn cao 0,53 mét, chân bàn thiết kế 04 thanh kim loại tròn được hàn dính với nhau bằng các thanh kim loại nhỏ.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Hà Quang H, Trần Thế N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái.
- VKSND TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái.
- Trại giam; Công an TP Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái.
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án, TA, THA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền